



**DANH SÁCH HỌC SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC LỚP 6
TẦNG CƯỜNG TIẾNG ANH (ĐỢT 2)
NĂM HỌC 2020 - 2021**

STT	Số Hồ sơ	Họ	Tên	Nữ	Ngày	Tháng	Năm	
1	166326	CHÂU QUỐC	AN		5	2	2009	
2	878667	PHẠM QUỲNH THÁI	AN	X	21	7	2009	
3	636103	PHAN ĐỨC	AN		11	10	2009	
4	071659	TRẦN ANGIE	AN	X	13	4	2009	
5	899333	HOÀNG NGUYỄN BẢO	ANH		3	12	2009	
6	668994	LÊ PHƯƠNG	ANH	X	3	10	2009	
7	269212	NGUYỄN PHÚC	ANH		21	12	2009	
8	814936	VÕ VĂN	ANH		23	6	2009	
9	614041	TRẦN PHÂM	CÁCH		24	4	2009	
10	189577	HOÀNG NGUYỄN BẢO	CHÂU	X	3	12	2009	
11	425535	VŨ MINH	CHÂU	X	27	8	2009	
12	218863	NGUYỄN THÙY	CHI	X	7	9	2009	
13	224462	NGUYỄN HOÀNG	ĐAN		2	4	2009	
14	112775	LÊ THỤY HẢI	ĐĂNG	X	3	2	2009	
15	514918	LÊ QUANG	ĐẠO		5	9	2009	
16	254700	HUỶNH ĐẮC	DI		4	8	2009	
17	407874	PHẠM VÕ ANH	DŨNG		10	9	2009	
18	669104	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	DƯƠNG		5	7	2009	
19	273798	ĐẶNG PHÙNG GIA	HÂN	X	18	9	2009	
20	128162	DƯƠNG MINH	HÂN	X	9	6	2009	
21	241092	NGÔ GIA	HÂN	X	23	3	2009	
22	299257	NGUYỄN KHẢ	HÂN	X	30	6	2009	
23	736711	TRẦN GIA	HÂN	X	17	3	2009	
24	189748	NGUYỄN BÍCH	HẠNH	X	18	8	2009	
25	730147	ĐÌNH PHÚC	HÙNG		29	7	2009	
26	694657	NGUYỄN TẤN	HÙNG		18	4	2009	
27	333594	NGUYỄN NGỌC	HUỶNH	X	8	1	2009	
28	829110	CHÂU MINH	KHANG		22	6	2009	
29	451671	ĐÀO DUY	KHANG		17	1	2009	
30	951705	VÕ NGUYỄN	KHANG		5	3	2009	
31	878667	BÙI GIA	KHÁNH		20	9	2009	

STT	Số Hồ sơ	Họ	Tên	Nữ	Ngày	Tháng	Năm
32	724467	BÙI ANH	KHOA		18	2	2009
33	954466	PHẠM NGUYỄN ĐĂNG	KHOA		1	7	2009
34	246778	NGUYỄN THẠC	KHÔI		21	10	2009
35	304970	NGUYỄN QUANG	KIỆT		12	2	2009
36	313826	VÕ ANH	KIỆT		6	3	2009
37	152838	HUỖNH THỤY CÁT	LÂM	X	27	3	2009
38	422938	TRẦN ĐỨC KHÁNH	LINH	X	11	7	2009
39	049770	TRẦN HÀ THẢO	LINH	X	5	8	2009
40	382862	NGUYỄN NGỌC BẢO	LONG		23	11	2009
41	319270	NGUYỄN ĐỨC MINH	LUÂN		30	6	2009
42	402055	NGUYỄN HỮU NHẬT	MINH		1	2	2009
43	190080	NGUYỄN TẤN	MINH		18	1	2009
44	845044	PHẠM HOÀNG	MINH		26	4	2009
45	042076	TRẦN QUỐC	MINH		27	12	2009
46	546963	HUỖNH NGUYỄN	MY	X	9	12	2009
47	575851	TRẦN SAM	MY	X	7	4	2009
48	873621	LÊ MINH QUỐC	NAM		21	3	2009
49	474008	NGUYỄN HỮU AN	NAM		23	5	2009
50	153853	BÙI KHÁNH	NGÂN	X	19	8	2009
51	774669	HUỖNH TRẦN PHƯƠNG	NGHI	X	16	6	2009
52	757952	NGUYỄN LÊ BẢO	NGHI	X	23	2	2009
53	396869	VŨ GIA	NGHI	X	19	11	2009
54	228149	ĐẶNG NGUYỄN MINH	NGHĨA		17	1	2009
55	637252	PHAN HUY	NGHĨA		20	9	2009
56	835208	NGÔ BẢO	NHI	X	18	6	2009
57	004948	NGUYỄN TRẦN UYÊN	NHI	X	3	8	2009
58	230208	TRƯƠNG MỸ	NHI	X	15	11	2009
59	307778	VŨ KHÁNH	NHI	X	11	6	2009
60	764775	LÊ TÂM	NHƯ	X	26	3	2009
61	855266	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	PHONG		14	5	2009
62	722728	NGUYỄN TRUNG	PHÚ		24	9	2009
63	185471	TẶNG VĨNH	PHÚ		16	3	2009
64	481458	LÊ TẤN	PHÚC		5	10	2009
65	073709	TRƯƠNG NGUYỄN NGỌC	PHƯƠNG	X	23	10	2009
66	083893	NGUYỄN MINH	QUÂN		24	8	2009
67	337653	TRỊNH HOÀNG	QUÂN		9	10	2009
68	359930	TRẦN NGUYỄN	QUỲNH	X	20	9	2009
69	112775	HOÀNG NGỌC THIÊN	THANH	X	14	5	2009
70	101739	ĐẶNG PHƯƠNG	THẢO	X	30	8	2009
71	004863	DƯƠNG PHÚ	THỊNH		11	9	2009
72	255381	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH	THƯ	X	19	6	2009
73	925607	NGUYỄN VŨ MINH	THƯ		15	8	2009
74	925607	NGUYỄN VŨ MINH	THƯ	X	15	8	2009
75	809436	PHAN ANH QUỲNH	THƯ	X	21	9	2009
76	462367	NGUYỄN ĐAN	THÙY	X	11	4	2009



STT	Số Hồ sơ	Họ	Tên	Nữ	Ngày	Tháng	Năm
77	871376	ĐỖ KHÁNH CHÂU	THY	X	29	5	2008
78	821825	NGUYỄN THANH BẢO	THY	X	9	2	2009
79	892203	ĐÀM KHANG	TÍN		8	4	2009
80	761934	NGUYỄN TRẦN MẠNH	TRÍ		3	6	2009
81	407472	LÊ PHÚ	TRỌNG		9	5	2009
82	110336	HUỖNH ANH	TUẤN		4	9	2009
83	133249	PHẠM MINH	TUẤN		22	1	2009
84	607171	HỒNG VỸ	TƯỜNG		31	1	2009
85	817653	LÂM MỸ	UYÊN	X	13	3	2009
86	834557	LÊ NGUYỄN MINH	UYÊN	X	4	8	2009
87	067734	PHẠM VÕ NGŨ	UYÊN	X	25	11	2009
88	882315	BÙI HẢI	VIỆT		27	2	2009
89	306209	LÊ NGỌC THANH	VY	X	26	1	2009
90	818357	LÊ NGỌC UYÊN	VY	X	1	8	2009
91	358409	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	VY		6	8	2009

